

Số: 35/2021/QĐST- HNGĐ

Yên Mô, ngày 17 tháng 6 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 32/2021/TLST/HNGĐ ngày 6/4/2021 giữa:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị N, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Xóm 2, xã M, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Bị đơn: Anh Vũ Việt D – sinh 1987

Địa chỉ: Xóm 2, xã M, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Căn cứ các Điều 212; Điều 213 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 157 Bộ luật dân sự.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng, án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 9 tháng 6 năm 2021.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 9/6/2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: chị Lê Thị N và anh Vũ Việt D.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về con chung: Chị Lê Thị N và anh Vũ Việt D xác định vợ chồng có một con chung là cháu Vũ Nhật M sinh ngày 12/3/2018 và thống nhất giao cháu

Vũ Nhật M cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu M đủ tuổi thành niên. Anh D có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng). Thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 6/2021 đến khi cháu M trưởng thành đủ 18 tuổi.

Anh D có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu M được chung sống với chị N. Anh D được quyền được thăm nom, chăm sóc con chung. Chị N và các thành viên trong gia đình không ai được cản trở anh D trong việc thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung.

Kể từ ngày chị N có đơn đề nghị thi hành án, anh D không nộp số tiền cấp dưỡng nuôi con thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

2.2 Về tài sản chung và công nợ: Chị Lê Thị N và anh Vũ Việt D xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có khoản nợ chung Nn không đề nghị Tòa án giải quyết.

2.3 Về án phí:Chị N và anh D thống nhất thỏa thuận đề chị N nộp toàn bộ án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật. Án phí ly hôn là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) và án phí cấp dưỡng là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Tổng số tiền án phí chị N phải nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0006153 ngày 6 /4/ 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Mô.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều,7,9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh NB;
- VKSND huyện Yên Mô;
- CCTHADS huyện Yên Mô;
- Các đương sự;
- UBND xã Yên Thắng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Thẩm phán

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hoa

